

KẾ HOẠCH

Thực hiện duy trì hoạt động của Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024

Căn cứ Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh về việc xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Văn bản số 6826/UBND-NLN1 ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh về việc duy trì hoạt động của Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 3551/UBND-KTTC ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh về việc tăng cường quản lý nhà nước về ATTP lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 13/3/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 750/KH-SNN&PTNT ngày 25/02/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc triển khai chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-SNN&PTNT-QLCL ngày 09/3/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Quy chế tạm thời quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch thực hiện duy trì hoạt động của Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024, như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích: Duy trì, vận hành, khai thác, sử dụng và bổ sung, cập nhật thông tin vào Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Hệ thống), đảm bảo hiệu quả. Đảm bảo công khai, minh bạch các thông tin truy xuất nguồn gốc của sản phẩm; phát hiện kịp thời hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc; góp phần bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng; nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm; bảo vệ thương hiệu, uy tín của doanh nghiệp.

2. Yêu cầu: Phấn đấu, cấp tài khoản cho 100% cơ sở thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và 10% cơ sở ký cam kết sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn (trong đó có 100% cơ sở tham gia Chương trình OCOP); đảm bảo 80% sản phẩm nông sản, thủy sản đã qua chế biến bao gói sẵn được truy xuất nguồn gốc. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, hỗ trợ các cơ quan và các cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia Hệ thống; Đảm bảo tính đồng bộ kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và PTNT (nếu có).

II. Phạm vi, thời gian thực hiện

1. Phạm vi thực hiện: Các cơ quan được giao quản trị và cấp tài khoản Hệ thống; cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Thời gian thực hiện: Trong năm 2024.

III. Nội dung thực hiện

1. Công tác tập huấn, tuyên truyền

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức 02-03 lớp tập huấn (dự kiến từ 60 đến 90 người tham gia) phổ biến, hướng dẫn áp dụng phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn cho một số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh;

- Hướng dẫn cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản thuộc phạm vi quản lý tham gia quảng bá sản phẩm trong chương trình OCOP, sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh trên Hệ thống.

- Hướng dẫn các địa phương, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt các Quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý theo Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Duy trì, vận hành, bổ sung, cập nhật thông tin vào Hệ thống

- Thuê quản trị Hệ thống (Server) ảo; thuê quản trị Hệ thống bảo đảm hoạt động ổn định. Duy trì dữ liệu các tài khoản trên hệ thống gồm: Tài khoản quản lý của cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh, tài khoản vận hành của cơ sở sản xuất kinh doanh;

- Hỗ trợ, hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh cập nhật, bổ sung thông tin về chất lượng, ATTP, nguồn gốc xuất xứ sản phẩm từng công đoạn (sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh nông lâm thủy sản,...) trên Hệ thống;

- Thực hiện việc cấp mới, cấp lại, đặt tên tài khoản đăng nhập; tạm ngừng, thu hồi tài khoản, cấp lại mật khẩu đăng nhập, khắc phục khi Hệ thống gặp sự cố và các nội dung liên quan theo quy định Quyết định số 156/QĐ-SNN&PTNT-QLCL ngày 09/3/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT;

- Phấn đấu trong năm 2024, cấp tài khoản vận hành Hệ thống cho 100% cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo ATTP và 10% cơ sở thuộc diện ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn (trong đó có 100% cơ sở tham gia Chương trình OCOP); cấp mã QR-code cho 100% sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực của tỉnh theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh thuộc phạm vi quản lý của các đơn vị;

3. In tem truy xuất nguồn gốc

Các sở, ngành, các địa phương và các đơn vị đã được bàn giao tài khoản hướng dẫn, cấp mã QR code và hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm sản phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý in ấn tem truy xuất nguồn gốc cho

các cơ sở tham gia Hệ thống.

Các cơ sở tham gia Hệ thống chủ động in ấn, sử dụng tem mã hóa định dạng QR-code chứa đựng các thông tin để dán trên sản phẩm, gồm: Thông tin chung về cơ sở (như tên, địa chỉ, số điện thoại, người đại diện,...); Thông tin về sản phẩm (như: Tên sản phẩm, mã sản phẩm, xuất xứ, công suất, quy cách đóng gói, nhật ký sản xuất, lô sản xuất, giá bán (nếu có); xuất xứ nguồn gốc; ngày sản xuất, hạn sử dụng; số lượng, khối lượng, số lô sản phẩm,...); Thông tin pháp lý (giấy chứng nhận an toàn thực phẩm/ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn; VietGAP, GMP, HACCP, ISO 22000,... và các thông tin (nhà sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói và phân phối sản phẩm) phục vụ quá trình truy xuất nguồn gốc theo quy định.

IV. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT: (i) Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp được giao năm 2024; (ii) Các Chi cục: Chăn nuôi và Thú y, Trồng trọt và BVTV, Thủy sản, lồng ghép, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được giao năm 2024 (nếu có).

2. Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố: Bố trí kinh phí thực hiện các nội dung, nhiệm vụ tại Kế hoạch này.

V. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

1.1. Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản

- Trực tiếp tổ chức thực hiện Kế hoạch này đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả và các quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển đơn đốc, kiểm tra các đơn vị liên quan quản trị Hệ thống và cơ sở sản xuất kinh doanh trong quá trình triển khai thực hiện.

1.2. Các Chi cục: Chăn nuôi và Thú y, Trồng trọt và BVTV, Thủy sản

- Phổ biến, hướng dẫn cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản thuộc phạm vi quản lý tham gia quảng bá sản phẩm trên hệ thống, đặc biệt các sản phẩm trong chương trình OCOP, sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh.

- Cập nhật danh sách các cơ sở thuộc phạm vi quản lý hệ thống bao gồm: tên cơ sở; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; ngày cấp; địa chỉ; người đại diện cơ sở; điện thoại; Giấy chứng nhận ATTP/Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn...

- Hướng dẫn các cơ sở Hoàn thiện Bản đăng ký cấp/cấp lại tài khoản đăng nhập Hệ thống (theo Mẫu 03- Mẫu giấy đăng ký tham gia Hệ thống).

- Thực hiện cấp tài khoản vận hành 100% cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và 10% cơ sở ký cam kết sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn (trong đó có 100% cơ sở tham gia Chương trình OCOP); cấp mã QR code cho sản phẩm tham

gia Hệ thống; đảm bảo 80% sản phẩm nông sản, thủy sản đã qua chế biến bao gói sẵn được truy xuất nguồn gốc.

2. Các Sở: Y tế, Công Thương, Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Tỉnh

- Cập nhật toàn bộ cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý lên Hệ thống, tại địa chỉ <http://qn.check.net.vn>.

- Hoàn thành việc cấp tài khoản cho 100% sản xuất kinh doanh thực phẩm thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP sử dụng Hệ thống và 10% số cơ sở thuộc diện ký cam kết sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn (trong đó có 100% cơ sở tham gia Chương trình OCOP thuộc phạm vi quản lý).

- Cấp mã QR code cho 100% sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực của địa phương, của tỉnh thuộc các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý.

- Hỗ trợ, hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh cập nhật, bổ sung thông tin về chất lượng, ATTP, nguồn gốc xuất xứ sản phẩm từng công đoạn (sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh), in ấn tem truy xuất nguồn gốc trên Hệ thống.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tuyên truyền, phổ biến đến các cơ sở thuộc phạm vi quản lý triển khai thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Đề nghị UBND các địa phương chỉ đạo phòng Kinh tế/Nông nghiệp và PTNT phối hợp, triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ xác định trong kế hoạch, tập trung như sau:

- Chỉ đạo, đôn đốc công chức được giao thực hiện duy trì, vận hành, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm lên Hệ thống tại địa chỉ <http://qn.check.net.vn>.

- Hỗ trợ, hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh cập nhật, bổ sung thông tin về chất lượng, ATTP, nguồn gốc xuất xứ sản phẩm từng công đoạn (sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh nông lâm thủy sản) trên Hệ thống;

- Cập nhật danh sách, thông tin tới các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý tham gia Hệ thống; hướng dẫn các cơ sở hoàn thiện Bản đăng ký cấp/cấp lại tài khoản đăng nhập Hệ thống, đảm bảo 80% sản phẩm nông sản, thủy sản đã qua chế biến bao gói sẵn được truy xuất nguồn gốc;

- Thực hiện việc cấp mới, cấp lại, đặt tên tài khoản đăng nhập; tạm ngừng, thu hồi tài khoản, cấp lại mật khẩu đăng nhập, khắc phục khi Hệ thống gặp sự cố và các nội dung liên quan theo quy định tại Quy chế tạm thời quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 156/QĐ-SNN&PTNT-QLCL ngày 09/3/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT;

- Phấn đấu, cấp tài khoản vận hành Hệ thống cho 100% cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và 10% cơ sở ký cam kết sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn (trong đó có 100% cơ sở tham gia Chương trình OCOP thuộc phạm vi phân công quản

lý); cấp mã QR-code cho 100% sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực của tỉnh thuộc phạm vi phân công quản lý theo phân công, phân cấp.

4. Thời hạn báo cáo

- Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài khoản Hệ thống định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch, gửi Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản) để báo cáo UBND tỉnh; trong đó nêu rõ những việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành, nguyên nhân và đề xuất giải pháp thực hiện.

- Thời gian báo cáo: Báo cáo quý trước ngày 15 của tháng cuối quý và báo cáo tổng kết năm trước ngày 10/12.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện duy trì hoạt động của Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan phối hợp, tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, hiệu quả./.

Nơi nhận:

- UBND các huyện, thị xã, thành phố (để ph/hợp);
- Sở Y tế, Sở Công thương (để ph/hợp);
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh (để ph/hợp);
- LĐ Sở: GĐ, các PGĐ sở;
- Các Chi cục: QLCLNLS&TS, CN&TY, TT&BVTV, TS (th/hiện);
- Phòng NN&PTNT/Kinh tế các địa phương (th/hiện);
- Lưu: VT; QLCL.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Tất Thắng

PHỤ LỤC 01
Kết quả triển khai và thực hiện cấp tài khoản đăng nhập Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc
thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh đến năm 2023

(Kèm theo Kế hoạch số: /SNN&PTNT-QLCL ngày /3/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Đơn vị/địa phương	Tổng số cơ sở thuộc phạm vi quản lý	Cơ sở thuộc diện cấp giấy ATTP	Cơ sở thuộc diện ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn	Cơ sở trong chương trình OCOP tỉnh tham gia hệ thống	Số cơ sở đã đăng ký và cấp tài khoản đăng nhập Hệ thống	
						Tổng số (cơ sở)	Tỷ lệ (%)
I.	Cấp tỉnh	2.671	2.117	554	25	102	4,82
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	948	394	554	17	94	23,86
1.1	Chi cục QLCLNLS&TS	104	104	-	14	90	86,54
1.2	Chi cục Trồng trọt và BVTV	7	7	-	2	3	42,86
1.3	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	29	29	-	1	1	3,45
1.4	Chi cục Thủy sản	808	254	554	0	0	0,00
2	Sở Công Thương	171	171	0	4	4	2,34
3	Sở Y tế	1.552	684	868	4	4	0,26
II.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	26.155	694	25.461	43	94	0,36
1	Cẩm Phả	1.268	47	1.221	1	6	0,47
2	Uông Bí	786	41	745	3	8	1,02
3	Ba Chẽ	285	21	264	3	4	1,40
4	Tiên Yên	1.303	43	1.260	8	21	1,61
5	Hải Hà	2.128	47	2.081	3	3	0,14
6	Quảng Yên	1.338	28	1.310	4	5	0,37
7	Cô Tô	207	36	171	4	4	1,93
8	Đông Triều	7.846	90	7.756	1	8	0,10
9	Vân Đồn	2.246	46	2.200	6	6	0,27
10	Bình Liêu	703	4	699	1	1	0,14

11	Móng Cái	3.451	108	3.343	2	13	0,38
12	Hạ Long	3.324	139	3.185	2	10	0,30
13	Đầm Hà	1.270	44	1.226	5	5	0,39
<i>Tổng cộng (I+II)</i>		28.826	2.811	26.015	68	196	

PHỤ LỤC 02**Dự kiến số cơ sở được cấp tài khoản đăng nhập Hệ thống năm 2024**

(Kèm theo Kế hoạch số: /SNN&PTNT-QLCL ngày /3/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Đơn vị/địa phương	Dự kiến Số cơ sở đăng ký và cấp tài khoản đăng nhập Hệ thống theo tháng/2024									
		4	5	6	7	8	9	10	11	12	Tổng số
I.	Cấp tỉnh	228	229	230	228	229	232	229	230	229	2.064
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	38	39	39	38	39	41	39	40	39	352
1.1	Chi cục QLCLNLS&TS	1	1	1	1	2	2	2	2	2	14
1.2	Chi cục Trồng trọt và BVTV		1	1			1		1		4
1.3	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	3	3	3	3	3	4	3	3	3	28
1.4	Chi cục Thủy sản	34	34	34	34	34	34	34	34	34	306
2	Sở Công Thương	18	18	19	18	18	19	18	18	18	164
3	Sở Y tế	172	172	172	172	172	172	172	172	172	1.548
II.	UBND cấp huyện	389	389	389	389	389	389	389	389	389	3.501
1	Cẩm Phá	20	20	20	20	20	20	20	20	20	180
2	Uông Bí	13	13	13	13	13	13	13	13	13	117
3	Ba Chẽ	5	5	5	5	5	5	5	5	5	45
4	Tiên Yên	19	19	19	19	19	19	19	19	19	171
5	Hải Hà	31	31	31	31	31	31	31	31	31	279
6	Quảng Yên	19	19	19	19	19	19	19	19	19	171
7	Cô Tô	6	6	6	6	6	6	6	6	6	54
8	Đông Triều	107	107	107	107	107	107	107	107	107	963
9	Vân Đồn	32	32	32	32	32	32	32	32	32	288
10	Bình Liêu	9	9	9	9	9	9	9	9	9	81
11	Móng Cái	53	53	53	53	53	53	53	53	53	477
12	Hạ Long	55	55	55	55	55	55	55	55	55	495
13	Đầm Hà	20	20	20	20	20	20	20	20	20	180
Tổng số (I+II)		617	618	619	617	618	621	618	619	618	5.565

